TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 07/9/2023.
"V/v: Không công nhận vợ chồng giữa anh H và chị T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG,TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Bà Vương Thị Hội.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thuỳ - Kiểm sát viên (KSV).

Trong ngày 07/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16/8/2023 về tranh chấp: ***"Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 17/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Minh H, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Tổ 5, phường A, thị xã A, tỉnh G;
- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1994;
Địa chỉ: Thôn 1, xã ĐăkHlơ, huyện K, tỉnh G;
Anh H và chị T có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh H và chị T sau một thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2016 nhưng từ đó cho đến nay, anh chị không có đăng ký kết hôn (ĐKKH) theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh H trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, mỗi người một quan điểm sống, một cách sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong cách đối nhân xử thế của mỗi người nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng, không tin tưởng nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi vã khiến cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, không hạnh phúc; do mâu thuẫn không thể hóa giải nên anh chị đã sống ly thân với nhau đã gần 6 năm. Do mâu thuẫn

của anh chị đã thật sự trầm trọng, anh chị không còn tình cảm với nhau, không còn chung sống với nhau nữa nên anh H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau.

Về phía chị T, chị đồng ý với mâu thuẫn vợ chồng như anh H đã trình bày đó là anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, trong suy nghĩ, trong cách đối nhân xử thế của mỗi người nên dẫn đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng, không tin tưởng nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi vã khiến cuộc sống hôn nhân ngày càng căng thẳng, không hạnh phúc; do mâu thuẫn không thể hóa giải nên anh chị đã sống ly thân với nhau đã gần 6 năm nên chị cũng đồng ý với yêu cầu của anh H và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Anh H và chị T có 01 con chung là cháu Trần Hải Y, sinh ngày 24/10/2017. Sau khi ly hôn, anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Yến cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; anh chị đều không yêu cầu bên còn lại pH có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị T không có tài sản chung và nợ chung nên anh chị cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp trong quá trình giải quyết án và tại phiên tòa, gồm: 01 Giấy khai sinh mang tên Trần Hải Y (bản sao); 01 Căn cước công dân mang tên Trần Minh H (bản photo) và 01 Căn cước công dân mang tên Phạm Thị Thu T (bản photo); 01 Đơn trình bày ngày 30/8/2023 có xác nhận của chính quyền địa phương (bản chính) và Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của anh Trần Minh H (bản chính).

Các tình tiết, sự kiện không pH chứng minh: Anh H và chị T có 01 con chung là Trần Hải Y, điều này được thể hiện qua chứng cứ do anh H giao nộp là Giấy khai sinh mang tên Trần Hải Y (bản sao).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 93, 94, 143, khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 9, Điều 11, Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nghị quyết số: 35/2000/NQQH của quốc hội; Điều 29 Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQHXIV, đề nghị HĐXX tuyên xử không công nhận anh Trần Minh H và Phạm Thị Thu T là vợ chồng, giao cháu Trần Hải Y cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi mình; anh Hải phải chịu án phí ly hôn ST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] ***Về tố tụng dân sự:*** Anh Trần Minh H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết yêu cầu về Hôn nhân gia đình của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35l; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Anh H và chị T tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2016. Quá trình 4 tháng chung sống với nhau, giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong đối nhân xử thế; anh chị không có tiếng nói chung và không tin tưởng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích; do mâu thuẫn không thể hòa giải được, do anh chị thấy không phù hợp nên chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và tự sống ly thân với nhau đến nay đã gần 6 năm, hiện nay anh H vẫn đang sống độc thân, chưa kết hôn với người nào khác; chị Thủy đã sinh 01 con chung với anh H và sinh 02 con với người khác. Do mâu thuẫn của anh chị đã thật sự trầm trọng, anh chị không còn tình cảm và không còn chung sống với nhau nữa nên anh H và chị Thủy đều chấp nhận không đăng ký kết hôn, chấp nhận không tiếp tục chung sống với nhau nữa mà đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau.

Xét việc anh H và chị T chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, anh chị đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau. HĐXX xét cần căn cứ vào quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, điểm b mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội để tuyên bố quan hệ giữa anh H và chị T không được công nhận là vợ chồng.

[3] ***Về con chung:*** Anh H và chị T có 01 con chung Trần Hải Y, sinh ngày 24/10/2017. Sau khi ly hôn, anh H và chị T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động và anh chị đều không yêu cầu bên không nuôi dưỡng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi xem xét điều kiện hoàn cảnh thực tế của anh, chị thì được biết hiện nay gia đình chị T thuộc diện hộ nghèo, chị không có nhà mà đang ở nhờ nhà bố mẹ và chị đang nuôi 3 con riêng còn nhỏ đang tuổi ăn học, có xác nhận của chính quyền địa phương; đối với anh H, hiện nay anh H đang sinh sống ổn định tại nhà chung với cha, mẹ đẻ của anh, có công việc và thu nhập ổn định, không có con đẻ nào khác ngoài cháu Yến, anh H thấy bản thân có đủ điều kiện về kinh tế cũng như thời gian để chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Yến tốt.

Để sau khi bố mẹ ly hôn thì cháu Y có đủ điều kiện tốt nhất về kinh tế, về điều kiện chăm sóc cho cháu được ăn, học và phát triển về mọi mặt. HĐXX xét cần chấp nhận yêu cầu của anh H, giao con chung của anh H và chị T là cháu Trần H Yến, sinh ngày 24/10/2017 cho anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do anh H không yêu cầu nên chị T không pH có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] ***Về tài sản chung và nợ chung:*** Anh H và chị T không có tài sản chung và nợ chung nên anh chị cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] ***Về án phí:*** Anh H phải chịu án phí LH-ST theo quy định là 300.000 đồng.

<u>Vì các lẽ trên,</u>

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b mục 3 của Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội;

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 35, 39, 93, 94, 144, 147, 234, 264, 266 và 267 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Trần Minh H và chị Phạm Thị Thu T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Hải Y, sinh ngày 24/10/2017 cho anh H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Yến trưởng thành, có khả năng lao động; do anh H không yêu cầu nên chị T không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí LH-ST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003984 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; anh H đã nộp đủ án phí LH-ST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
-TA tỉnh Gia Lai;
-VKS Kbang;
-THA Kbang;
-Các đương sự;
-UBND cấp xã nơi ĐKKH;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lành

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CTPT

Võ Thị Cảnh Vương Thị Hội Đỗ Thị Lành

Nơi nhận:
-TA tỉnh;
-VKS KBang;
-THA KBang;
-Các đương sự;
-Lưu HS vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Nguyên